

LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC – 2018 NHỮNG NỘI DUNG MỚI CẦN CHÚ Ý

PGS. TS. Hoàng Phước Hiệp *

Tóm tắt: Luật Giáo dục Đại học được Quốc hội khóa XII thông qua lần đầu tiên 2012. Luật được sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014, 2015 (sau đây gọi là Luật GDĐH 2012/2013, 2014/2015). Ngày 19/11/2018, tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIV đã thông qua **Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học** (sau đây gọi là Luật GDĐH 2018). Ngày 03/12/2018, Chủ tịch nước đã ký Lệnh số 13/2018/L-CTN công bố và Luật GDĐH 2018 có hiệu lực từ ngày 01/07/2019. Bài viết giới thiệu một số nội dung mới cần chú ý của Luật này.

Từ khóa: Luật, giáo dục, đào tạo, đại học, sửa đổi, bổ sung, hội nhập quốc tế, cam kết quốc tế.

Abstract: The Law on Higher Education was passed for the first time by the 12th National Assembly in 2012. The Law was amended and supplemented in 2013, 2014, 2015 (hereinafter referred to as the Higher Education Law 2012/2013 and 2014/2015).

On November 19th, 2008, at the 6th session of the XIV National Assembly, the Law on amending and supplementing a number of articles of the Higher Education Law (hereinafter referred to as the Higher Education Law 2018) was adopted. On December 3rd, 2008, the President signed the Order No. 13/2018/L-CTN to announce the Higher Education Law 2018, which took effect from July 1st, 2019. The article introduces some new contents of the law to be noted.

Keywords: Law, education, training, university, amendment, supplement, international integration, international commitment.

Luật GDĐH 2018 sửa đổi, bổ sung 36 điều, bổ sung mới 01 điều, bãi bỏ, thay thế một số cụm từ, từ ngữ và chỉnh sửa một số điều về mặt kỹ thuật văn bản pháp luật [5]. Chính vì vậy, khi nghiên cứu Luật GDĐH 2018 phải hết sức chú ý đến Văn bản hợp nhất Luật GDĐH số 42/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội.

1. Luật GDĐH 2018 quy định các loại hình cơ sở GDĐH bình đẳng trước pháp luật (Điều 7), tiệm cận với thông

lệ quốc tế, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, khắc phục một số vấn đề bất cập nhưng vẫn đảm bảo ổn định hệ thống để phát triển. Luật GDĐH 2018 quy định rõ có 02 loại hình cơ sở GDĐH: (i) Cơ sở GDĐH công lập do Nhà nước đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động và là đại diện chủ sở hữu; (ii) Cơ sở GDĐH tư thục do nhà đầu tư trong nước hoặc nước ngoài đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động. Đối với cơ sở GDĐH tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, Luật GDĐH 2018 quy định

* Chủ nhiệm Khoa Luật kinh tế
Trường ĐH KD&CN Hà Nội.

đó “là cơ sở giáo dục đại học mà nhà đầu tư cam kết hoạt động không vì lợi nhuận, được ghi nhận trong quyết định cho phép thành lập hoặc quyết định chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục đại học; hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hàng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục đại học”.

Khoản 3 Điều 7 Luật GDĐH 2018 quy định “Các loại hình cơ sở giáo dục đại học bình đẳng trước pháp luật”. Đây là quy định quan trọng trong cơ chế thị trường, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cơ sở GDĐH tư thục. Xuất phát từ quy định chung này, Khoản 2 Điều 38 Luật GDĐH 2018 quy định: “Người học hoàn thành chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của trình độ đào tạo theo quy định, hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của người học thì được hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học cấp văn bằng ở trình độ đào tạo tương ứng.”¹. Đây là nội dung đáng chú ý và đang làm dấy lên nhiều băn khoăn trong dư luận. Ngay khi Luật GDĐH 2018 mới chỉ là Dự thảo, đại diện của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phải giải trình rằng, hình thức đào tạo không tập trung (tại chức, từ xa...) vẫn được xây dựng theo chuẩn chương trình, chuẩn giáo viên và chuẩn đầu ra giống như hình thức đào tạo tập trung (chính quy)². Do đó, không có sự phân biệt về bằng cấp giữa các hình thức đào tạo này. Quy định này

được hiểu là bằng tốt nghiệp đại học cấp cho người học theo hình thức đào tạo tập trung và bằng tốt nghiệp đại học cấp cho người học theo hình thức đào tạo không tập trung là tương đương nhau, không có sự phân biệt.

2. Luật GDĐH 2018 quy định gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của thị trường lao động (Khoản 6 Điều 12), gắn đào tạo với nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở GDĐH với doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; có chính sách ưu đãi về thuế cho các sản phẩm khoa học và công nghệ của cơ sở GDĐH; khuyến khích cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tiếp nhận, tạo điều kiện để người học và giảng viên thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Bên cạnh đó, Luật GDĐH 2018 cũng quy định phát triển GDĐH để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước. Ưu tiên đầu tư phát triển một số cơ sở GDĐH, ngành đào tạo mang tầm khu vực, quốc tế và cơ sở đào tạo giáo viên chất lượng cao; phát triển một số ngành đặc thù, cơ sở GDĐH có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia, nhiệm vụ phát triển vùng của đất nước. Luật GDĐH 2018 cũng khẳng định ưu tiên đối với người được hưởng chính sách

¹ Khoản 1 Điều 38 Luật GDĐH 2012/2013/2014/2015 quy định “Văn bằng giáo dục đại học được cấp cho người học sau khi tốt nghiệp một trình độ đào tạo theo một hình thức đào tạo...”. Quy định này đã tạo ra quan niệm phân biệt đối xử giữa các hình thức đào tạo tại nước ta.

² Tờ trình số 146/TTr-CP ngày 27/04/2018 của Chính phủ và Báo cáo thẩm tra của Ủy ban VH, GD, TN, TN và ND về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH. Xem thêm Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/03/2017 của Bộ GDĐT ban hành “Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học”.

xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người học ngành đặc thù đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện bình đẳng giới trong GDĐH.

3. Luật GDĐH 2018 mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả của tự chủ đại học trong toàn hệ thống (Điều 32). Đây là chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta trong lĩnh vực GDĐH trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới. Luật GDĐH 2018 xác định phạm vi quyền tự chủ đại học trong học thuật, trong hoạt động chuyên môn, trong tổ chức và nhân sự, trong tài chính và tài sản, trong đó, quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của cơ sở GDĐH trong việc xác định mục tiêu và lựa chọn cách thức thực hiện mục tiêu; tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của cơ sở GDĐH.

Chủ trương tăng cường tự chủ cho các cơ sở GDĐH nhưng vẫn đảm bảo sự kiểm soát hợp lý chất lượng đào tạo, chú trọng quản lý đối với các ngành liên quan đến sức khỏe, đào tạo giảng viên, an ninh, quốc phòng. Để được thực hiện quyền tự chủ đại học, Khoản 2 Điều 32 Luật GDĐH 2018 quy định *điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học* khá chặt chẽ:

(i) Đã thành lập Hội đồng trường (HĐT), Hội đồng đại học; đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở GDĐH bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp.

(ii) Đã ban hành và tổ chức thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động; quy chế tài chính; quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ khác và có chính sách bảo đảm

chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn do Nhà nước quy định.

(iii) Thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong cơ sở GDĐH.

(iv) Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Luật GDĐH 2018 quy định *trách nhiệm giải trình của cơ sở GDĐH* đối với chủ sở hữu, người học, xã hội, cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan. Phạm vi nội dung các vấn đề phải giải trình gồm:

(i) Giải trình về việc thực hiện tiêu chuẩn, chính sách chất lượng, về việc quy định, thực hiện quy định của cơ sở GDĐH; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu không thực hiện quy định, cam kết bảo đảm chất lượng hoạt động.

(ii) Công khai báo cáo hằng năm về các chỉ số kết quả hoạt động trên trang thông tin điện tử của cơ sở GDĐH; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với chủ sở hữu và cơ quan quản lý có thẩm quyền.

(iii) Giải trình về mức lương, thưởng và quyền lợi khác của chức danh lãnh đạo, quản lý của cơ sở GDĐH tại hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động; thực hiện kiểm toán đối với báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hằng năm, kiểm toán đầu tư và mua sắm; giải trình về hoạt động của cơ sở GDĐH trước chủ sở hữu, cơ quan quản lý có thẩm quyền.

(iv) Thực hiện công khai trung thực báo cáo tài chính hằng năm và nội dung khác trên trang thông tin điện tử của cơ sở GDĐH theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(v) Thực hiện nội dung, hình thức giải trình khác theo quy định của pháp luật.

4. Cơ cấu tổ chức và quản trị của cơ sở GDĐH là nhóm nội dung được thảo luận khá nhiều trong quá trình xây dựng và thông qua Luật GDĐH 2018³. Các ý kiến đó tập trung vào:

(i) Luật phải quy định rõ, cụ thể hơn việc phân biệt hai loại hình cơ sở GDĐH là công lập và tư thực. Trường tư thực được phân loại theo nguồn gốc chủ sở hữu vốn, gồm trường có vốn đầu tư trong nước và trường có vốn đầu tư từ nước ngoài; theo tính chất hoạt động, gồm trường tư thực và trường tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. Trên cơ sở đó, Luật phải đã đưa ra mô hình cơ cấu tổ chức và cơ chế quản trị phù hợp với tính chất của từng loại hình cơ sở GDĐH.

(ii) Luật phải định rõ vị trí pháp lý của HĐT; xác định rõ HĐT là tổ chức quản trị còn hiệu trưởng thực thi quyền quản lý, điều hành hoạt động nhà trường trên cơ sở quy định pháp luật và các nghị quyết của HĐT, chịu sự giám sát của cơ quan này. Để tạo điều kiện thu hút nhiều ứng viên có năng lực, tâm huyết tham gia quản trị, quản lý cơ sở GDĐH, Luật không quy định chi tiết tiêu chuẩn về độ tuổi, số nhiệm kỳ liên tiếp của các chức danh Chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng mà giao cho trường tự chủ quyết định theo quy chế tổ chức và hoạt động trên cơ sở phù hợp với quy định chung của pháp luật.

(iii) Về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của HĐT và mối quan hệ giữa HĐT với các thiết chế quyền lực khác

trong trường đại học, Luật phải quán triệt mục tiêu chính của việc sửa đổi Luật lần này là đẩy mạnh tự chủ đại học. Do đó, Luật phải khẳng định chuyển một số thẩm quyền trước đây do cơ quan chủ quản và Hiệu trưởng quyết định sang cơ chế HĐT quyết định; chuyển từ chế độ Thủ trưởng sang chế độ quyết nghị của tập thể, theo đó, thực hiện quyền tự chủ thuộc về HĐT; Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ điều hành, quản lý nhà trường theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường và theo sự phân cấp, ủy quyền của HĐT. Điều này phù hợp với xu thế chung của GDĐH trên thế giới. Tuy vậy, trong bối cảnh thực tế tổ chức, quản lý của các trường đại học Việt Nam hiện nay, *“UBTVQH đề nghị Chính phủ tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội để việc hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện bảo đảm hài hòa mối quan hệ quản trị của Hội đồng trường với vai trò thực thi, điều hành của Hiệu trưởng linh hoạt, hiệu quả”*⁴.

Xuất phát từ các nội dung thảo luận thống nhất như vậy của các đại biểu Quốc hội, Quốc hội đã thông qua Điều 14 Luật GDĐH 2018, theo đó cơ cấu tổ chức của trường đại học bao gồm:

(i) Hội đồng trường đại học, Hội đồng học viện (gọi chung là HĐT).

(ii) Hiệu trưởng trường đại học, Giám đốc học viện (gọi chung là Hiệu trưởng trường đại học); Phó hiệu trưởng trường đại học, Phó giám đốc học viện (gọi chung là Phó hiệu trưởng trường đại học).

³ Báo cáo Giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Tài liệu kỳ họp 6, Quốc hội khóa XIV. Xem thêm Mục 5 “Về quản trị đại học và thiết chế Hội đồng trường” trong “Báo cáo về Tổng hợp ý kiến góp ý của các Đoàn Đại biểu Quốc hội....góp ý Dự án Luật GDĐH”. Tài liệu kỳ họp 6, Quốc hội khóa XIV.

⁴ Báo cáo Giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Tài liệu kỳ họp 6, Quốc hội khóa XIV.

(iii) Hội đồng Khoa học và đào tạo; Hội đồng khác (nếu có).

(iv) Khoa, phòng chức năng, thư viện, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức phục vụ đào tạo khác.

(v) Trường, phân hiệu, viện nghiên cứu, cơ sở dịch vụ, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh và đơn vị khác (nếu có) theo nhu cầu phát triển của trường đại học.

Khoản 2 Điều 14 Luật GDĐH 2018 nhấn mạnh: *“Cơ cấu tổ chức cụ thể của trường đại học, mối quan hệ và mức độ tự chủ của đơn vị thuộc, đơn vị trực thuộc trường đại học được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học”*.

Điều 17 Luật GDĐH 2018 quy định HĐT của trường đại học tư thục, trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận là tổ chức quản trị, đại diện cho nhà đầu tư và các bên có lợi ích liên quan; thực hiện trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Luật này, trừ trách nhiệm và quyền hạn của nhà đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 16a của Luật này; được trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm hiệu trưởng trường đại học theo Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở GDĐH.

Số lượng thành viên HĐT của trường đại học tư thục, trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận phải là số lẻ và có thành phần như sau:

(i) HĐT của trường đại học tư thục bao gồm đại diện nhà đầu tư, thành viên trong và ngoài trường đại học do hội nghị nhà đầu tư bầu, quyết định theo tỷ lệ vốn góp.

(ii) HĐT của trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận bao gồm đại diện nhà đầu tư do các nhà đầu tư bầu, quyết định theo tỷ lệ vốn góp; thành viên trong và ngoài trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.

(iii) Thành viên trong trường đại học bao gồm thành viên đương nhiên và thành viên bầu bởi hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu của trường đại học. Thành viên đương nhiên bao gồm bí thư cấp ủy, hiệu trưởng trường đại học, chủ tịch công đoàn, đại diện Ban chấp hành Đoàn TNCSHCM là người học của trường đại học. Thành viên bầu bao gồm đại diện giảng viên và người lao động của trường đại học.

(iv) Thành viên ngoài trường đại học do hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu của trường đại học bầu, bao gồm nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà giáo dục, nhà văn hóa, nhà khoa học, doanh nhân, cựu sinh viên, đại diện đơn vị sử dụng lao động.

Tiêu chuẩn, việc bầu chủ tịch HĐT, trách nhiệm của chủ tịch HĐT; danh sách, nhiệm kỳ, nguyên tắc làm việc của HĐT của trường đại học tư thục, trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận được quy định như sau:

(i) Chủ tịch HĐT là cán bộ cơ hữu hoặc cán bộ kiêm nhiệm của trường đại học theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học, do HĐT bầu và được hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu trường đại học công nhận.

(ii) Trong các cuộc họp của HĐ, hiệu trưởng trường đại học có quyền tham dự, thảo luận và chỉ được biểu quyết khi là thành viên HĐT.

(iii) Trường hợp chủ tịch HĐT là người đại diện theo pháp luật của trường đại học hoặc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 của Luật này thì phải đáp ứng tiêu chuẩn như đối với hiệu trưởng trường đại học; phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

(iv) Quy định khác (khoản 4 và khoản 5 Điều 16) của Luật GDĐH 2018.

Khoản 1 Điều 20 Luật GDĐH 2018 quy định *Hiệu trưởng cơ sở GDĐH* công lập do HĐT; hội đồng đại học quyết định và được cơ quan quản lý có thẩm quyền công nhận; hiệu trưởng cơ sở GDĐH tư thực, cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận do HĐT; hội đồng đại học quyết định bổ nhiệm. Nhiệm kỳ hoặc thời gian bổ nhiệm của hiệu trưởng cơ sở GDĐH do HĐT, hội đồng đại học quyết định trong phạm vi nhiệm kỳ của HĐT, hội đồng đại học.

Như vậy, Luật GDĐH 2018 đã bãi bỏ quy định trước đây về nhiệm kỳ của hiệu trưởng trường đại học là 05 năm và giao việc này cho HĐT quyết định. Bên cạnh đó, Luật GDĐH 2018 giữ nguyên yêu cầu của Luật GDĐH 2012/2013/2014/2015 về việc hiệu trưởng trường đại học phải có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ tiến sĩ, có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ, có uy tín khoa học và kinh nghiệm quản lý GDĐH. Riêng đối với cơ sở GDĐH công lập thì độ tuổi đảm nhiệm chức vụ hiệu trưởng cơ sở GDĐH công lập phải tuân theo quy định riêng của pháp luật. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở GDĐH phải quy định rõ các tiêu chuẩn cụ thể của hiệu trưởng cơ sở GDĐH.

5. Về giảng viên đại học, Luật GDĐH 2018 quy định trình độ tối thiểu của họ là thạc sĩ chuyên ngành đào tạo.

Nếu trước đây, Luật GDĐH 2012/2013/2014/2015 quy định thạc sĩ là trình độ chuẩn đối các giảng viên đại học, thì nay Luật GDĐH 2018 quy định thạc sĩ chuyên ngành chỉ là trình độ tối thiểu của giảng viên đại học chuyên ngành đào tạo. Khoản 3 Điều 54 Luật GDĐH 2018 quy định “*Trình độ tối thiểu của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ đại học là thạc sĩ, trừ chức danh trợ giảng; trình độ*

của chức danh giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ, tiến sĩ là tiến sĩ.” Luật GDĐH 2018 quy định rõ chức danh giảng viên bao gồm trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư. *Cơ sở giáo dục đại học bổ nhiệm chức danh giảng viên* theo quy định của pháp luật; quy chế tổ chức và hoạt động, quy định về vị trí việc làm và nhu cầu sử dụng của cơ sở giáo dục đại học. Luật GDĐH 2018 cũng nhấn mạnh cơ sở GDĐH ưu tiên tuyển dụng người có trình độ tiến sĩ làm giảng viên; phát triển, ưu đãi đội ngũ giáo sư đầu ngành để phát triển các ngành đào tạo.

Bên cạnh quy định trên, Luật GDĐH 2018 tiếp tục khẳng định các yêu cầu khác đối với giảng viên trong các cơ sở GDĐH, chẳng hạn, đó là người có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; có trình độ đáp ứng quy định của Luật GDĐH; quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở GDĐH.

Điều đáng chú ý nữa ở đây là Khoản 7 Điều 55 Luật GDĐH 2018 quy định giảng viên đại học có *quyền độc lập về quan điểm chuyên môn* trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học trên nguyên tắc phù hợp với lợi ích của Nhà nước và xã hội; *được ký hợp đồng thỉnh giảng* và nghiên cứu khoa học với cơ sở GDĐH, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ quan, tổ chức khác theo quy định của cơ sở GDĐH mà mình đang làm việc.

6. Bảo đảm chất lượng GDĐH và kiểm định chất lượng GDĐH là nội dung được tranh luận nhiều trong quá trình soạn thảo và thông qua Luật GDĐH mới và được quy định khắt khe hơn Luật GDĐH 2012/2013/2014/2015. Luật GDĐH 2018 dành một chương riêng (Chương VII) về nội dung này.

Bảo đảm chất lượng GDDH được xác định là quá trình liên tục, mang tính hệ thống, bao gồm các chính sách, cơ chế, tiêu chuẩn, quy trình, biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng GDDH. Hệ thống bảo đảm chất lượng GDDH bao gồm hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong và hệ thống bảo đảm chất lượng bên ngoài thông qua cơ chế kiểm định chất lượng GDDH. Kiểm định chất lượng GDDH phải tuân theo các nguyên tắc sau:

- (i) Độc lập, khách quan, đúng pháp luật.
- (ii) Trung thực, công khai, minh bạch.
- (iii) Bình đẳng, bắt buộc, định kỳ.

Đối tượng kiểm định chất lượng GDDH gồm Cơ sở giáo dục đại học và Chương trình đào tạo các trình độ của GDDH. Để đảm bảo chất lượng GDDH, Điều 50 Luật GDDH 2018 quy định cơ sở GDDH có trách nhiệm:

(i) Xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong cơ sở GDDH phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của cơ sở GDDH.

(ii) Xây dựng chính sách, kế hoạch bảo đảm chất lượng GDDH.

(iii) Tự đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở GDDH.

Cơ sở GDDH không thực hiện kiểm định chương trình theo chu kỳ kiểm định hoặc kết quả kiểm định chương trình không đạt yêu cầu phải cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, bảo đảm cho người học đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Sau 02 năm, kể từ ngày Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng đào tạo hết hạn hoặc từ ngày có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu, nếu không thực hiện kiểm định lại chương trình hoặc kết quả kiểm định lại vẫn không đạt yêu cầu thì cơ sở GDDH phải dừng tuyển sinh

đối với chương trình đào tạo đó và có biện pháp bảo đảm quyền lợi cho người học.

(iv) Duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, bao gồm đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên; chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập; phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, thư viện, hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở thực hành; nguồn lực tài chính, ký túc xá và cơ sở dịch vụ khác.

(v) Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng GDDH theo kế hoạch bảo đảm chất lượng GDDH; công bố công khai điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của cơ sở GDDH và phương tiện thông tin đại chúng.

Ngoài ra, Luật GDDH 2018 cũng quy định cơ sở GDDH được *lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục* trong số các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận để kiểm định chất lượng cơ sở GDDH và chương trình đào tạo.

Kết quả kiểm định chất lượng GDDH được sử dụng làm căn cứ để xác định chất lượng GDDH, vị thế và uy tín của cơ sở GDDH; thực hiện quyền tự chủ, có trách nhiệm giải trình; hỗ trợ đầu tư, giao nhiệm vụ; và căn cứ để Nhà nước và xã hội giám sát hoạt động của cơ sở GDDH.

7. Một số nội dung khác của Luật GDDH 2018. Bên cạnh sáu nhóm nội dung lớn nêu trên cần chú ý, Luật GDDH 2018 còn có nhiều nội dung khác đáng quan tâm. Đó là các quy định về xếp hạng cơ sở GDDH; nhà đầu tư trong lĩnh vực GDDH; cơ sở GDDH có vốn đầu tư nước ngoài; mở ngành đào tạo; chỉ tiêu tuyển

sinh và tổ chức tuyển sinh; thời gian đào tạo; hoạt động hợp tác quốc tế của cơ sở GDĐH; chính sách đối với người học; tài chính, tài sản của cơ sở GDĐH; quản lý nhà nước về GDĐH... Một số quy định đã được Luật GDĐH 2018 quy định rõ, chi tiết nhưng cũng còn một số quy định phải chờ đến các văn bản của Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan hướng dẫn thi hành./.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo Giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Tài liệu kỳ họp 6, Quốc hội khóa XIV.
2. Báo cáo Giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Tài liệu kỳ họp 6, Quốc hội khóa XIV. Xem thêm Mục 5 “Về quản trị đại học và thiết chế Hội đồng trường” trong “Báo cáo về Tổng hợp ý kiến góp ý của các Đoàn Đại biểu Quốc hội....góp ý Dự án Luật GDĐH”.
3. Tờ trình số 146/TTr-CP ngày 27.04.2018 của Chính phủ và Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT, ngày 15.03.2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành “Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học”.
4. Văn phòng Quốc hội (tổng hợp), Luật Giáo dục đại học 2018 đã sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ 75 điều, khoản, đoạn, cụm từ, từ của Luật Giáo dục đại học Giáo dục đại học 2012/2013/2014/2015.
5. Văn phòng Quốc hội. Luật Giáo dục đại học năm 2018. Văn bản hợp nhất số 42/VBHN-VPQH ngày 10.12.2018.